

Bản án số: **210/2021/DS-ST**  
Ngày: 03/11/2021  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Hoàng Hoa
2. Ông Châu Vũ Bình

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Kim Thơ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 03 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2021/TLST - DS ngày 17 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng S

Trụ sở: 266-268 N, phường X, quận Y, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà D – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông G – Giám đốc chi nhánh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Q – Phó Trưởng phòng giao dịch Chợ Gạo.

2. *Bị đơn:* Bà Đ, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, Tiền Giang

Ông Quý có mặt, bà Đ vắng mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*- Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ngân hàng S và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Q là người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 00821-00384 ký ngày 29/8/2017 giữa Ngân Hàng S - Chi Nhánh Tiền Giang với Bà Đ, theo đó Ngân Hàng cho Bà Đ vay số tiền 50.000.000 đồng như sau:

- Ngày vay : 29/8/2017
- Thời hạn vay: 12 tháng

- Phương thức trả nợ: Vốn lãi trả góp đều hàng ngày
- Ngày đáo hạn: 29/8/2018
- Lãi suất: 30%/năm
- Mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh gà vịt

Tài sản đảm bảo: Khách hàng vay tín chấp nên không có tài sản đảm bảo.

Trong quá trình vay vốn từ ngày 29/8/2017, Bà Đ đã thanh toán vốn lãi theo Hợp đồng đến kỳ vốn lãi ngày 12/3/2018, kể từ đó đến nay, Bà Đ ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở tạo điều kiện cho Bà Đ thanh toán nhưng Bà Đ vẫn không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng.

Như vậy, đến hết ngày 21/01/2021, Bà Đ đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền vốn là 26.573.000 đồng, tiền lãi là 7.973.400 đồng. Đến hết ngày 21/01/2021, Bà Đ còn nợ Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi Nhánh Tiền Giang số tiền vốn là 23.427.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 7.028.100 đồng. Tổng cộng số tiền theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là 30.455.100 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng nêu trên thì Bà Đ đã vi phạm các điều khoản cam kết đã ký, nhiều lần không thực hiện các nghĩa vụ trả nợ mặc dù Ngân Hàng đã trao đổi, động viên tạo điều kiện cho Bà Đ thực hiện việc trả nợ.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Đ phải trả ngay cho Ngân Hàng S – Chi Nhánh Tiền Giang với số tiền vốn là 23.427.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 7.028.100 đồng. Tổng cộng số tiền theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là 30.455.100 đồng. Nếu Bà Đ chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của Hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả hết nợ.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập bà Đ đến Toà để tham gia phiên họp, phiên hoà giải và phiên tòa nhưng bà Đ đều vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Đ đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Đ là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ngân hàng yêu cầu bà Đ trả số tiền nợ vay, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự

là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Đ trả tiền nợ đã vay với gốc là 23.427.000 đồng đồng và tiền lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là “*Hợp đồng tín dụng*” và “*Giấy nhận nợ*” do Ngân hàng cung cấp có chữ ký của bà Đ. Có đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng và bà Đ đã xác lập hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng.

[4] Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đ tuy nhiên bà Đ không đến tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Đ phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử xác định bà Đ còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 23.427.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Xét thấy bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà Đ trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 23.427.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Ngân hàng yêu cầu bà Đ trả số tiền lãi trong hạn theo hợp đồng là 7.028.100 đồng. Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: “*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

a) *Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;*

b) *Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Đ trả tiền lãi là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Trong hợp đồng tín dụng, các bên chỉ có thỏa thuận về việc trả lãi trong hạn theo hợp đồng, không có thỏa thuận về việc trả lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc và tiền lãi. Do đó, lãi chậm trả đối với tiền nợ gốc và tiền lãi được tính kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S. Buộc bà Đ trả cho Ngân hàng S số tiền:**

- Nợ gốc là 23.427.000 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng);

- Lãi trên nợ gốc là: 7.028.100 đồng (Bảy triệu không trăm hai mươi tám nghìn một trăm đồng).

#### **2. Về án phí:**

Bà Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.522.755 đồng.

Ngân hàng S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 761.500 đồng theo biên lai thu tiền số 4740 ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

**3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng S cho đến khi thi hành án xong, bà Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án bao gồm tiền nợ gốc và tiền lãi trên nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.**

**4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.**

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Vĩnh Lộc**